

Số: 452 /VPUB-PVHCC

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 02 năm 2026

V/v thông báo kết quả Bộ chỉ số
chỉ đạo, điều hành và đánh giá
chất lượng phục vụ người dân,
doanh nghiệp trong thực hiện
TTHC, DVC

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công (DVC) theo thời gian thực trên môi trường điện tử (Bộ chỉ số 766).

Qua tổng hợp, thống kê và phân tích dữ liệu của Bộ chỉ số 766 tháng 01/2026 của tỉnh Khánh Hòa trên Cổng Dịch vụ công quốc gia¹, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC trên địa bàn tỉnh tháng 01 năm 2026 (theo Phụ lục đính kèm), cụ thể như sau:

I. Kết quả theo Bộ chỉ số 766:

1. Về kết quả nhóm Chỉ số tổng hợp Bộ chỉ số 766 của toàn tỉnh

Trong tháng 01/2026, tỉnh Khánh Hòa đạt 89,4 điểm, xếp loại tốt, xếp hạng 30/34 tỉnh, thành phố, cụ thể:

TT	CHỈ SỐ	TỶ LỆ	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
1	Điểm công khai minh bạch	100%	18
2	Điểm dịch vụ công trực tuyến	83%	18,3
3	Điểm mức độ hài lòng	98,17%	17,7
4	Điểm số hóa hồ sơ	83,64%	18,4
5	Điểm tiến độ giải quyết	85,1%	17
	Tổng cộng	89,4	89,4

¹ Số liệu được sử dụng làm căn cứ đánh giá, xếp loại được thống kê lúc 16 giờ 00 phút ngày 03/02/2026 và sẽ thay đổi theo thời gian thực.

2. Về kết quả tổng hợp Bộ chỉ số 766 của các sở, ban, ngành

TT	Cơ quan, đơn vị	Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tổng điểm
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	18	17,9	19,7	18	18,7	92,3
2	Sở Nội vụ	18	18	20	18	18,2	92,2
3	Sở Khoa học và Công nghệ	18	16,2	20	17,4	18,5	90,1
4	Sở Xây dựng	18	18,3	20	18	14	88,3
5	Sở Tài chính	18	17,2	17	17,7	18,1	88
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	18	17	15	17,7	18,4	86,1
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	18	13	20	16,3	18,6	85,9
8	Sở Dân tộc và Tôn giáo	18	20	20	18	9,5	85,5
9	Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp	18	15,3	20	17,1	14,5	84,9
10	Sở Công Thương	18	12,3	17,8	16,1	17,8	82
11	Sở Tư pháp	18	16,9 ³	15,8	17,6	13,5	81,8
12	Sở Y tế	18	17,7	20	11,9	13,5	81,1

Các đơn vị cấp Sở đạt kết quả thấp nhất tháng 01/2026:

- Sở Công Thương hạng 10.
- Sở Tư pháp hạng 11.
- Sở Y tế hạng 12.

² Xếp loại: Đơn vị có tổng điểm đạt 90 trở lên xếp loại xuất sắc, 80 điểm trở lên xếp loại tốt, 70 điểm trở lên xếp loại khá, từ 50 điểm đến dưới 70 điểm xếp loại trung bình, dưới 50 điểm xếp loại yếu.

³ Hồ sơ LLTP của Công an tỉnh, không phải của Sở Tư pháp.

3. Về kết quả tổng hợp Bộ chỉ số 766 của cấp xã

TT	Cơ quan, đơn vị	Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tổng điểm ⁴
1	UBND xã Thuận Bắc	18	19,7	20	18	19,2	94,9
2	UBND xã Khánh Sơn	18	19,6	20	18	19,1	94,7
3	UBND xã Tây Khánh Sơn	18	19,3	20	18	19,2	94,5
4	UBND xã Công Hải	18	19,3	20	18	19	94,3
5	UBND xã Cà Ná	18	19,5	20	18	18,7	94,2
6	UBND xã Anh Dũng	18	18,7	20	18	19,3	94,0
7	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	18	18,7	20	18	19,2	93,9
8	UBND xã Ninh Sơn	18	18,1	20	18	19,3	93,4
9	UBND phường Cam Linh	18	18,5	20	18	18,8	93,3
10	UBND xã Đông Khánh Sơn	18	18,7	20	18	18,6	93,3
11	UBND xã Bắc Ái Tây	18	18,6	20	18	18,6	93,2
12	UBND xã Diên Khánh	18	18,1	20	18	19	93,1
13	UBND xã Khánh Vĩnh	18	18,8	20	18	18	92,8
14	UBND phường Bảo An	18	17,5	20	17,8	19,3	92,6
15	UBND xã Bắc Ái	18	18,5	20	18	18	92,5

⁴ Xếp loại: Đơn vị có tổng điểm đạt 90 trở lên xếp loại xuất sắc, 80 điểm trở lên xếp loại tốt, 70 điểm trở lên xếp loại khá, từ 50 điểm đến dưới 70 điểm xếp loại trung bình, dưới 50 điểm xếp loại yếu.

TT	Cơ quan, đơn vị	Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tổng điểm
16	UBND xã Suối Hiệp	18	18	20	18	18,5	92,5
17	UBND xã Ninh Hải	18	17,6	20	17,9	18,9	92,4
18	UBND xã Diên Thọ	18	17,9	20	18	18,5	92,4
19	UBND xã Nam Cam Ranh	18	17,9	20	18	18,4	92,3
20	UBND xã Tu Bông	18	17,6	20	17,9	18,8	92,3
21	UBND xã Diên Lạc	18	18,1	20	18	18,1	92,2
22	UBND phường Phan Rang	18	17,6	20	17,9	18,7	92,2
23	UBND xã Xuân Hải	18	18,4	20	18	17,6	92,0
24	UBND phường Đông Hải	18	17,6	20	17,9	18,4	91,9
25	UBND xã Lâm Sơn	18	17,4	20	17,8	18,7	91,9
26	UBND xã Đại Lãnh	18	17	20	17,7	19	91,7
27	UBND xã Suối Dầu	18	17,1	20	17,7	18,6	91,4
28	UBND xã Phước Dinh	18	18,2	20	18	17,1	91,3
29	UBND phường Hòa Thắng	18	17,6	20	17,9	17,8	91,3
30	UBND xã Diên Điện	18	16,9	20	17,6	18,5	91,0
31	UBND xã Phước Hậu	18	16,6	20	17,5	18,8	90,9
32	UBND xã Phước Hữu	18	16,5	20	17,5	18,7	90,7
33	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	18	17,5	20	17,8	17,2	90,5

TT	Cơ quan, đơn vị	Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tổng điểm
34	UBND xã Cam An	18	17,3	20	17,8	17,3	90,4
35	UBND phường Đô Vinh	18	17	20	17,7	17,6	90,3
36	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	18	15,8	20	17,3	19,1	90,2
37	UBND phường Đông Ninh Hòa	18	16,4	20	17,5	18,2	90,1
38	UBND xã Cam Lâm	18	16,2	20	17,4	18,4	90,0
39	UBND phường Ba Ngòi	18	16,9	20	17,6	17,3	89,8
40	UBND xã Phước Hà	18	15,7	20	17,3	18,7	89,7
41	UBND phường Nam Nha Trang	18	16,8	20	17,6	17,2	89,6
42	UBND xã Thuận Nam	18	16	20	17,3	18,1	89,4
43	UBND xã Cam Hiệp	18	15,8	20	17,3	18,3	89,4
44	UBND xã Bắc Ái Đông	18	17,7	20	17,9	15,6	89,2
45	UBND Phường Cam Ranh	18	16	20	17,4	17,7	89,1
46	UBND xã Nam Ninh Hòa	18	16,7	20	17,6	16,6	88,9
47	UBND phường Ninh Hòa	18	16,5	20	17,5	16,8	88,8
48	UBND xã Vĩnh Hải	18	14,9	20	17	18,6	88,5
49	UBND phường Ninh Chữ	18	16,7	20	17,6	16,2	88,5
50	UBND phường Nha Trang	18	17,5	17,9	17,8	17,2	88,4
51	UBND phường Bắc Nha Trang	18	15,4	20	17,1	17,8	88,3

TT	Cơ quan, đơn vị	Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	Tổng điểm
52	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	18	16	20	17,3	16,9	88,2
53	UBND xã Hòa Trí	18	16	20	17,3	16,8	88,1
54	UBND xã Diên Lâm	18	15,1	20	17	17,8	87,9
55	UBND xã Tây Ninh Hòa	18	17,6	20	17,9	14,3	87,8
56	UBND xã Vạn Thắng	18	14,9	20	17	17,8	87,7
57	UBND xã Vạn Ninh	18	14,3	20	16,8	18,4	87,5
58	UBND xã Vạn Hưng	18	15,8	20	17,3	16,3	87,4
59	UBND xã Bắc Ninh Hòa	18	15,3	20	17,1	16,4	86,8
60	UBND xã Tân Định	18	16,2	18,2	17,4	16,6	86,4
61	UBND xã Ninh Phước	18	12,8	20	16,3	18,7	85,8
62	UBND xã Mỹ Sơn	18	12,8	20	16,3	17,9	85,0
63	UBND phường Bắc Cam Ranh	18	13,1	20	16,4	17,1	84,6
64	UBND phường Tây Nha Trang	18	13,5	16,8	16,5	17,1	81,9

Các đơn vị cấp xã đạt kết quả thấp nhất tháng 01/2026:

- UBND xã Mỹ Sơn xếp hạng 62.
- UBND phường Bắc Cam Ranh xếp hạng 63.
- UBND phường Tây Nha Trang xếp hạng 64.

II. Giải pháp cải thiện Bộ chỉ số 766:

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, UBND cấp xã tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo đề nghị tại Báo cáo số 367/BC-VPUB ngày 31/01/2026 và tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Khẩn trương đẩy nhanh tiến độ giải quyết các hồ sơ đang quá hạn, đồng

thời chủ động thường xuyên đối soát hồ sơ đang xử lý trễ hạn của đơn vị được thống kê theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên trang quantri.dichvucong.gov.vn; có văn bản phản hồi về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đối với các hồ sơ có trạng thái chưa phù hợp với trạng thái xử lý hồ sơ thực tế tại đơn vị để xem xét, giải quyết.

2. Thường xuyên theo dõi các chỉ số thành phần trong Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp DVCTT của đơn vị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trang quantri.dichvucong.gov.vn; đề ra các biện pháp nhằm tăng cường, cải thiện các chỉ số có liên quan.

3. Phân định rõ việc thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và thanh toán không tiền mặt thông qua quét mã QR đặt tại quầy; từ đó tổ chức hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thanh toán trực tuyến đối với tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính.

4. Thường xuyên rà soát, bổ sung chữ ký số cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa để thực hiện công tác số hóa theo quy định.

5. Thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên hệ thống tập trung của các bộ theo hướng dẫn các sở, ban, ngành.

Trên đây là kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC trên địa bàn tỉnh tháng 01 năm 2026, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo các cơ quan, đơn vị, địa phương biết./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Thanh Hà (báo cáo);
- VPUB: LĐ;
- TTPVHCC cấp xã;
- TTPVHCC: LĐ, các Phòng;
- Lưu: VT, CT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Xuân Hải

PHỤ LỤC

Biểu thống kê thanh toán trực tuyến của các cơ quan, đơn vị năm 2026¹
(Ban hành kèm Văn bản số 452 /VPUB-PVHCC ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Văn phòng UBND tỉnh)



1. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến của các sở, ban, ngành

TT	Cơ quan, đơn vị	Điểm	Tỷ lệ %
1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	6	100
2	Sở Khoa học và Công nghệ	6	100
3	Sở Nội vụ	6	100
4	Sở Tư pháp	6	100
5	Sở Xây dựng	6	100
6	Sở Y tế	6	100
7	Sở Nông nghiệp và Môi trường	6	100
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6	100
9	Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp	6	100
10	Sở Công Thương	3,8	63,33
11	Sở Tài chính	2,97	49,5
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	16,67

2. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến của UBND các xã, phường²

TT	Đơn vị	Điểm	Tỷ lệ %
1	UBND phường Ba Ngòi	6	100
2	UBND phường Bảo An	6	100
3	UBND phường Bắc Cam Ranh	6	100

¹ Số liệu thống kê từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2026

² Không bao gồm Đặc khu Trường Sa

TT	Đơn vị	Điểm	Tỷ lệ %
4	UBND phường Bắc Nha Trang	6	100
5	UBND phường Cam Linh	6	100
6	UBND Phường Cam Ranh	6	100
7	UBND phường Đô Vinh	6	100
8	UBND phường Đông Hải	6	100
9	UBND phường Đông Ninh Hòa	6	100
10	UBND phường Hòa Thắng	6	100
11	UBND phường Nam Nha Trang	6	100
12	UBND phường Ninh Chữ	6	100
13	UBND phường Ninh Hòa	6	100
14	UBND phường Phan Rang	6	100
15	UBND xã Anh Dũng	6	100
16	UBND xã Bác Ái	6	100
17	UBND xã Bác Ái Đông	6	100
18	UBND xã Bác Ái Tây	6	100
19	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	6	100
20	UBND xã Bắc Ninh Hòa	6	100
21	UBND xã Cam An	6	100
22	UBND xã Cam Hiệp	6	100
23	UBND xã Cam Lâm	6	100
24	UBND xã Cà Ná	6	100
25	UBND xã Công Hải	6	100
26	UBND xã Diên Điện	6	100

TT	Đơn vị	Điểm	Tỷ lệ %
27	UBND xã Diên Khánh	6	100
28	UBND xã Diên Lạc	6	100
29	UBND xã Diên Lâm	6	100
30	UBND xã Diên Thọ	6	100
31	UBND xã Đại Lãnh	6	100
32	UBND xã Đông Khánh Sơn	6	100
33	UBND xã Hòa Trí	6	100
34	UBND xã Phước Hữu	6	100
35	UBND xã Khánh Sơn	6	100
36	UBND xã Khánh Vĩnh	6	100
37	UBND xã Lâm Sơn	6	100
38	UBND xã Mỹ Sơn	6	100
39	UBND xã Nam Cam Ranh	6	100
40	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	6	100
41	UBND xã Nam Ninh Hòa	6	100
42	UBND xã Ninh Hải	6	100
43	UBND xã Ninh Phước	6	100
44	UBND xã Ninh Sơn	6	100
45	UBND xã Phước Dinh	6	100
46	UBND xã Phước Hà	6	100
47	UBND xã Phước Hậu	6	100
48	UBND xã Suối Dầu	6	100
49	UBND xã Suối Hiệp	6	100

TT	Đơn vị	Điểm	Tỷ lệ %
50	UBND xã Tây Khánh Sơn	6	100
51	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	6	100
52	UBND xã Tây Ninh Hòa	6	100
53	UBND xã Thuận Bắc	6	100
54	UBND xã Thuận Nam	6	100
55	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	6	100
56	UBND xã Tu Bông	6	100
57	UBND xã Vạn Hưng	6	100
58	UBND xã Vạn Ninh	6	100
59	UBND xã Vạn Thắng	6	100
60	UBND xã Vĩnh Hải	6	100
61	UBND xã Xuân Hải	6	100
62	UBND xã Tân Định	4,22	70,33
63	UBND phường Nha Trang	3,9	65
64	UBND phường Tây Nha Trang	2,78	46,33